

Bản án số: 84/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 11 - 2022

V/v: “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Bà Lê Thị Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 55/2022/QĐST-HN ngày 18 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Số 27/29 đường Q, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Lê Minh T1, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

HKTT: Số 27/29 đường Q, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm Trú: Số 169/9 đường T2, phường T3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 26/09/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Võ Thị tThu T trình bày:*** Tôi và anh Lê Minh T1 tự nguyện yêu thương nhau rồi tổ chức lễ cưới năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T3, thành phố G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 300 ngày 28/11/2006. Sau khi cưới vợ chồng về sống cùng gia đình bên chồng tại số 169/9 đường T2, phường T3, thành phố

G, tỉnh Kiên Giang đến năm 2013 vợ chồng ra thuê nhà ở đến tháng 03/2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến tháng 03 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là anh T1 trong có trách nhiệm với gia đình, không quan T1 đến vợ con, hằng ngày chỉ mê chơi game, không phụ giúp tôi lo cho các con, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. **Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa tôi với anh T1 mâu thuẫn đến mức trầm trọng không thể hòa hợp và hàn gắn được nên tôi yêu cầu được ly hôn với anh T1.**

Về con chung: Chị Võ Thị Thu T xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Minh K sinh ngày 08/09/2007 và Lê Minh K1, sinh ngày 20/10/2014. Chị T yêu cầu được nuôi 02 người con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thu T xác định không còn tình cảm yêu thương với anh T1 nữa và yêu cầu được ly hôn với anh T1; Về con chung; Tài sản chung, nợ chung: Chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Minh T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có yêu cầu phản tố và không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn nên Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Võ Thị Thu T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn anh Lê Minh T1 và anh T1 là bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại thành phố G, tỉnh Kiên Giang nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"; theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố G.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Lê Minh T1 không có ý kiến trình bày về đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự như: Giao thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt hợp lệ các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án xét xử; nhưng anh T1 cố tình vắng mặt. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T yêu cầu xét xử vắng mặt bị

đơn anh T1 theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt anh T1.

[3] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Thu T và anh Lê Minh T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện; Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, đã được UBND phường Vĩnh Thanh, thành phố G, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 300 ngày 28/11/2006 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T1 không còn yêu thương, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Bởi lẽ, chị T xác nhận thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nhỏ, đến tháng 03/2022 phát sinh mâu thuẫn gay gắt và vợ chồng sống ly thân đến nay. Nguyên nhân chủ yếu là do anh T1 không quan tâm chia sẻ công việc nhà cùng chị T mà hằng ngày chỉ biết đam mê game mọi việc trong gia đình đều do chị T lo, từ đó vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Trong thời gian chị T, anh T1 sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự “Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”. Anh T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T1 không có sự phản đối nào đối với yêu cầu của chị T cũng như chứng cứ do chị T cung cấp.

Từ đó cho thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1.

[5] Về quan hệ con chung: Chị T xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Lê Minh K sinh ngày 08/09/2007 và Lê Minh K1, sinh ngày 20/10/2014 đang sinh sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được nuôi 02 người con. Mặc khác, theo nguyện vọng của 02 cháu cũng mong muốn được sinh sống cùng với mẹ (được thể hiện tại biên bản trình bày nguyện vọng ngày 09/11/2022). Hội đồng xét xử xét thấy, 02 người con đã sinh sống với mẹ là chị T từ nhỏ và hiện nay cháu cũng phát triển rất tốt về mọi mặt và cũng có mong muốn được sinh sống cùng với mẹ là chị T, do đó Hội đồng xét xử xét thấy, giao 02 người con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T1 không có ý kiến trình bày tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này anh T1 có tranh chấp về các vấn đề trên thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Minh T1.

2. Về con chung: Giao cho chị Võ Thị Thu T tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con tên Lê Minh K sinh ngày 08/09/2007 và Lê Minh K1, sinh ngày 20/10/2014 cho đến tuổi trưởng thành. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Minh T1 có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị Thu T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Võ Thị Thu T phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), chị T được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002488 ngày 06/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/11/2022), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Thùy Linh